

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MINH HỮU LIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MINH HỮU LIÊN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 24



## CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH

Chủ tịch Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch – Đại diện pháp luật
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên
Ông Hồ Ngọc Thế Anh	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2020

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Tấn Quốc	Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2020
Ông Vương Thành Phát	Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 02 tháng 03 năm 2020

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH

Chủ tịch Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Trần Tuấn Minh**

**Chủ tịch – Đại diện pháp luật**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2020*



73 / T  
Á  
L  
101

Số: 20.635/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên, được lập ngày 13 tháng 05 năm 2020, từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Chủ tịch***

Chủ tịch Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2020

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/10/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>148.607.682.112</b>	<b>159.285.862.891</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.270.803.637</b>	<b>2.344.948.167</b>
1. Tiền	111	4.1	6.270.803.637	2.344.948.167
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>38.403.096.022</b>	<b>54.440.525.747</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	37.785.063.421	54.075.396.117
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		673.069.785	767.925.466
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	1.164.442.263	816.683.611
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.219.479.447)	(1.219.479.447)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>88.962.335.117</b>	<b>82.567.147.387</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	88.962.335.117	82.567.147.387
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.971.447.336</b>	<b>17.933.241.590</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	2.737.417.642	3.322.887.319
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.643.102.994	14.019.427.571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	590.926.700	590.926.700
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>77.610.418.826</b>	<b>83.087.102.021</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>156.000.000</b>	<b>448.840.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		156.000.000	448.840.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>50.811.927.150</b>	<b>54.632.062.268</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	50.652.259.597	54.434.283.123
Nguyên giá	222		86.497.111.130	86.301.392.448
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.844.851.533)	(31.867.109.325)
2. Tài sản cố định vô hình	227		159.667.553	197.779.145
Nguyên giá	228		530.484.000	530.484.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(370.816.447)	(332.704.855)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.642.491.676</b>	<b>28.006.199.753</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	26.642.491.676	28.006.199.753
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>226.218.100.938</b>	<b>242.372.964.912</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a- DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/10/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>169.317.709.426</b>	<b>177.684.445.640</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>139.197.935.118</b>	<b>144.196.027.014</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	48.901.771.223	58.258.606.475
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		783.542.418	646.372.515
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	3.445.762.594	1.931.616.069
4. Phải trả người lao động	314		-	883.579.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.132.208.114	822.699.237
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	84.809.808.276	80.965.454.342
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		124.842.493	687.699.376
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.119.774.308</b>	<b>33.488.418.626</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.10	30.119.774.308	33.488.418.626
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.900.391.512</b>	<b>64.688.519.272</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.11	<b>56.900.391.512</b>	<b>64.688.519.272</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.423.643.313	8.569.327.142
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.956.687.621)	1.685.756.310
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		985.756.310	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.942.443.931)	1.685.756.310
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>226.218.100.938</b>	<b>242.372.964.912</b>



Trần Tuấn Minh

Chủ tịch - Đại diện pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2020

Đinh Thị Nguyên Hương

Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga

Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.13	190.850.525.459	198.023.372.357
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		681.660	7.331.364
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		190.849.843.799	198.016.040.993
4. Giá vốn hàng bán	11	4.14	173.943.550.606	177.405.071.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.906.293.193	20.610.969.861
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		368.444.466	177.398.362
7. Chi phí tài chính	22	4.15	5.520.222.920	6.423.517.356
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.365.083.182	6.245.803.953
8. Chi phí bán hàng	25	4.16	11.607.492.656	10.637.075.373
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.17	5.113.900.789	8.496.328.635
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.966.878.706)	(4.768.553.141)
11. Thu nhập khác	31		25.067.882	2.492.509.160
12. Chi phí khác	32		633.107	4.968.555
13. Lợi nhuận khác	40		24.434.775	2.487.540.605
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.942.443.931)	(2.281.012.536)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.942.443.931)	(2.281.012.536)
16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.11.4	(1.067)	(564)



**Trần Tuấn Minh**  
 Chủ tịch - Đại diện pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2020

**Đinh Thị Nguyên Hương**  
 Kế toán trưởng

**Đinh Thị Phương Nga**  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.942.443.931)	(2.281.012.536)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.18	4.015.853.800	5.596.445.594
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(36.941.263)	(1.749.388.560)
Chi phí lãi vay	06	4.15	5.365.083.182	6.245.803.953
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>4.401.551.788</b>	<b>7.811.848.451</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.706.594.302	6.874.416.917
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.395.187.730)	(1.636.577.356)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.687.954.964)	4.254.234.472
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.949.177.754	(6.648.417.182)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.365.083.182)	(6.245.803.953)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(63.369.337)	(172.081.848)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.545.728.631</b>	<b>4.239.619.501</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(195.718.682)	(9.669.870.650)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.940.348.522
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36.941.263	2.765.586
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.841.222.581</b>	<b>(2.726.756.542)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.19	196.508.284.409	192.323.130.194
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.20	(195.969.380.151)	(193.656.604.425)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>538.904.258</b>	<b>(1.333.474.231)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>3.925.855.470</b>	<b>179.388.728</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	2.344.948.167	3.973.188.573
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	4.1	<b>6.270.803.637</b>	<b>4.152.577.301</b>



Trần Tuấn Minh  
Chủ tịch - Đại diện pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2020

Đinh Thị Nguyên Hương  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 23 tháng 03 năm 2020 để thay đổi chức danh người đại diện pháp luật là ông Trần Tuấn Minh từ chức danh Tổng Giám đốc thành chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 220 người (30 tháng 09 năm 2019 là 244).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2020 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà Máy Chi Nhánh Công ty CP Minh Hữu Liên – Long An	Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

## CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 10 hàng năm đến ngày 30 tháng 09 năm kế tiếp.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019.

## 4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/10/2019 VND
Tiền mặt	2.311.093.417	1.923.709.266
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.959.710.220	421.238.901
<b>Cộng</b>	<b>6.270.803.637</b>	<b>2.344.948.167</b>

### 4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/10/2019 VND
Harbor Freight Tools	7.186.630.681	16.712.216.331
YTL International Inc	5.955.819.022	1.818.341.410
Công ty TNHH TM Thép Tân Tiến	3.112.742.550	10.025.405.089
Các khách hàng khác	21.529.871.168	25.519.433.287
<b>Cộng</b>	<b>37.785.063.421</b>	<b>54.075.396.117</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/10/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.153.642.263	-	805.883.611	-
Ký quỹ, ký cược	10.800.000	-	10.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.164.442.263</b>	<b>-</b>	<b>816.683.611</b>	<b>-</b>

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/10/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.219.479.447	-	1.219.479.447	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khách hàng này đã mất khả năng thanh toán.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2020			Tại ngày 01/10/2019		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Quyền Hưng	401.230.064	-	> 3 năm	401.230.064	-	> 3 năm
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A - XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	-	> 3 năm	224.887.040	-	> 3 năm
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	-	> 3 năm	180.120.000	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	413.242.343	-	> 3 năm	413.242.343	-	> 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.219.479.447</b>	<b>-</b>		<b>1.219.479.447</b>	<b>-</b>	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/10/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.568.086.417	-	20.061.237.744	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.734.424.877	-	7.911.450.286	-
Thành phẩm	50.951.683.241	-	47.457.538.575	-
Hàng hóa	7.708.140.582	-	7.136.920.782	-
<b>Cộng</b>	<b>88.962.335.117</b>	<b>-</b>	<b>82.567.147.387</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ là 69.519.769.658 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay - Xem thêm mục 4.10.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2019	39.890.000.638	40.707.504.250	4.806.519.541	897.368.019	86.301.392.448
Mua trong kỳ	-	195.718.682	-	-	195.718.682
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>39.890.000.638</b>	<b>40.903.222.932</b>	<b>4.806.519.541</b>	<b>897.368.019</b>	<b>86.497.111.130</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2019	3.989.000.064	24.806.795.893	2.610.382.023	460.931.345	31.867.109.325
Khấu hao trong kỳ	1.994.500.032	1.603.954.964	324.303.555	54.983.657	3.977.742.208
<b>Tại ngày 31/03/2020.</b>	<b>5.983.500.096</b>	<b>26.410.750.857</b>	<b>2.934.685.578</b>	<b>515.915.002</b>	<b>35.844.851.533</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2019	35.901.000.574	15.900.708.357	2.196.137.518	436.436.674	54.434.283.123
<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>33.906.500.542</b>	<b>14.492.472.075</b>	<b>1.871.833.963</b>	<b>381.453.017</b>	<b>50.652.259.597</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 44.480.441.580 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.771.774.502 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/10/2019 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	896.518.499	2.354.030.000
Các khoản khác	1.840.899.143	968.857.319
<b>Cộng</b>	<b><u>2.737.417.642</u></b>	<b><u>3.322.887.319</u></b>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh – Xem thêm mục 4.24	21.758.379.536	22.040.955.896
Công cụ dụng cụ	3.694.731.317	5.031.981.964
Các khoản khác	1.189.380.823	933.261.893
<b>Cộng</b>	<b><u>26.642.491.676</u></b>	<b><u>28.006.199.753</u></b>

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh tại ngày 31/03/2020 là 21.758.379.536 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.10.

**4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/10/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	400.000.000	400.000.000
Phải trả người bán:				
Công ty CP Tập đoàn Thiên Quang	19.453.176.189	19.453.176.189	19.841.241.150	19.841.241.150
Công ty TNHH MTV SX TM DV An Sơn	3.942.551.228	3.942.551.228	12.796.790.016	12.796.790.016
Phải trả cho các đối tượng khác	25.506.043.806	25.506.043.806	25.220.575.309	25.220.575.309
<b>Cộng</b>	<b><u>48.901.771.223</u></b>	<b><u>48.901.771.223</u></b>	<b><u>58.258.606.475</u></b>	<b><u>58.258.606.475</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/03/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/10/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.669.180	-	-	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.856.119.424	1.006.902.063	-	-	1.849.217.361
Thuế thu nhập cá nhân	-	218.677.224	209.567.388	69.619.692	-	78.729.528
Các loại thuế khác	590.926.700	-	-	-	590.926.700	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	367.296.766	367.296.766	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>590.926.700</b>	<b>3.445.762.594</b>	<b>1.583.766.217</b>	<b>69.619.692</b>	<b>590.926.700</b>	<b>1.931.616.069</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/10/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	77.800.869.686	77.800.869.686	196.445.089.767	192.100.735.981	73.456.515.900	73.456.515.900
Vay dài hạn đến hạn trả	7.008.938.590	7.008.938.590	3.368.644.318	3.868.644.170	7.508.938.442	7.508.938.442
<b>Cộng</b>	<b>84.809.808.276</b>	<b>84.809.808.276</b>	<b>199.813.734.085</b>	<b>195.969.380.151</b>	<b>80.965.454.342</b>	<b>80.965.454.342</b>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	30.119.774.308	30.119.774.308	-	3.368.644.318	33.488.418.626	33.488.418.626
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.929.582.584</b>	<b>114.453.872.968</b>	<b>199.813.734.085</b>	<b>199.338.024.469</b>	<b>114.453.872.968</b>	<b>114.453.872.968</b>

Vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (bình quân 9,5%/năm đối với các khoản vay VND và 5,2%/năm đối với các khoản vay USD) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty. – Xem thêm mục 4.5 và 4.6.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 4.5, 4.6 và 4.7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11. Vốn chủ sở hữu****4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	VND		
Số dư tại ngày 01/10/2018	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	7.912.768.527	63.702.762.962	
Lỗ trong 6 tháng đầu niên độ trước	-	-	-	-	-	(2.281.012.536)	(2.281.012.536)	
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)	
Tạm trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	7.212.768.527	(7.212.768.527)	-	
Số dư tại ngày 31/03/2019	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	8.569.327.142	(2.281.012.536)	60.721.750.426	
Lãi trong 6 tháng cuối niên độ trước	-	-	-	-	-	3.966.768.846	3.966.768.846	
Số dư tại ngày 01/10/2019	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	8.569.327.142	1.685.756.310	64.688.519.272	
Lỗ trong 6 tháng đầu niên độ này	-	-	-	-	-	(4.942.443.931)	(4.942.443.931)	
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)	
Truy thu thuế TNDN và nộp phạt (*)	-	-	-	-	(1.374.198.829)	-	(1.374.198.829)	
Chi phí di dời và đầu tư trụ sở mới (*)	-	-	-	-	(771.485.000)	-	(771.485.000)	
<b>Số dư tại ngày 31/03/2020</b>	<b>54.309.230.000</b>	<b>124.205.820</b>	<b>2.294.874.180</b>	<b>(2.294.874.180)</b>	<b>6.423.643.313</b>	<b>(3.956.687.621)</b>	<b>56.900.391.512</b>	

(\*) Theo Nghị quyết ĐHCĐ số 28022020/NQ-ĐHCĐ/MHL ngày 28 tháng 02 năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Tại ngày 31/03/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/10/2019 VND</b>
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	13.328.680.000
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	24.506.380.000	24.506.380.000
Vốn góp của các đối tượng khác	16.474.170.000	16.474.170.000
<b>Cộng</b>	<b>54.309.230.000</b>	<b>54.309.230.000</b>

**4.11.3. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>Tại ngày 01/10/2019</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.11.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty	(4.942.443.931)	(2.281.012.536)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lỗ để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(5.642.443.931)	(2.981.012.536)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	5.288.623	5.288.623
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.067)</b>	<b>(564)</b>

**4.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày 31/03/2020</b>	<b>Tại ngày 01/10/2019</b>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ (USD)	37.560,45	6.566,64

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	31.616.832.975	18.853.830.458
Doanh thu bán thành phẩm	159.013.692.484	178.929.541.899
Doanh thu hoạt động khác	220.000.000	240.000.000
<b>Cộng</b>	<b>190.850.525.459</b>	<b>198.023.372.357</b>

**4.14. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.048.223.372	18.663.165.111
Giá vốn của thành phẩm đã bán	142.620.327.234	158.441.906.021
Giá vốn hoạt động khác	275.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>173.943.550.606</b>	<b>177.405.071.132</b>

**4.15. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	5.365.083.182	6.245.803.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá	155.139.738	177.713.403
<b>Cộng</b>	<b>5.520.222.920</b>	<b>6.423.517.356</b>

**4.16. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.466.948.685	2.500.050.621
Chi phí dụng cụ đồ dùng	745.514.635	161.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.404.918	67.239.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.929.356.019	6.627.104.726
Các khoản chi phí khác	1.392.268.399	1.442.519.549
<b>Cộng</b>	<b>11.607.492.656</b>	<b>10.637.075.373</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.341.182.097	4.370.561.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	353.215.962	383.890.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	986.017.095	1.622.908.010
Chi phí bằng tiền khác	433.485.635	2.118.969.286
<b>Cộng</b>	<b><u>5.113.900.789</u></b>	<b><u>8.496.328.635</u></b>

**4.18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.361.927.736	158.628.162.085
Chi phí nhân công	17.725.575.286	17.775.964.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.015.853.800	5.596.445.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.587.740.553	9.361.442.623
Chi phí khác bằng tiền	2.039.211.142	4.640.750.194
<b>Cộng</b>	<b><u>194.730.308.517</u></b>	<b><u>196.002.764.725</u></b>

**4.19. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	196.508.284.409	192.323.130.194

**4.20. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	195.969.380.151	193.656.604.425

**4.21. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu



**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31/03/2020

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
<b>Doanh thu thuần</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	122.784	121.325	68.065	76.691	190.850	198.016
<b>Cộng</b>	<b>122.784</b>	<b>121.325</b>	<b>68.065</b>	<b>76.691</b>	<b>190.850</b>	<b>198.016</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	(1.026)	1.815	17.932	18.796	16.906	20.611
Thu nhập tài chính					(16.722)	(19.138)
Chi phí tài chính					368	177
Lợi nhuận trước thuế					(5.520)	(6.424)
Thuế TNDN					(4.942)	(2.281)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>(4.942)</b>	<b>(2.281)</b>

**Các thông tin khác**

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2020 Triệu đồng	01/10 2019 Triệu đồng	30/09 2020 Triệu đồng	01/10 2019 Triệu đồng	30/09 2020 Triệu đồng	01/10 2019 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận	24.643	35.545	13.142	18.531	37.785	54.075
Tài sản không phân bổ					188.433	188.298
<b>Tổng tài sản</b>					<b>226.218</b>	<b>242.373</b>
Nợ phải trả của bộ phận	41.366	49.928	7.535	8.331	48.902	58.259
Nợ phải trả không phân bổ					120.416	119.426
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>169.318</b>	<b>177.684</b>

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	196	9.670	-	-	196	9.670
Chi phí khấu hao	4.016	5.596	-	-	4.016	5.596

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

**4.22. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phí thuê kho	3.074.010.910	3.690.679.092
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	155.000.000	150.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	540.405.000	360.907.498
<b>Cộng</b>	<b>695.405.000</b>	<b>510.907.498</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Địa chỉ: 41-43 Đường D1, Khu dân cư Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.23. Thu nhập của ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	84.000.000	84.000.000

**4.24. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê quyền sử dụng đất tại KCN Phú An Thạnh theo Hợp đồng thuê hoạt động số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17 tháng 08 năm 2017. Hợp đồng thuê có thời hạn đến ngày 19 tháng 09 năm 2057 với tiền thuê được trả một lần vào thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 4.7.

**4.25. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Trần Tuấn Minh**  
Chủ tịch - Đại diện pháp luật  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2020

**Đinh Thị Nguyên Hương**  
Kế toán trưởng

**Đinh Thị Phương Nga**  
Người lập

# THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

## RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building,  
140 Nguyen Van Thu Street,  
Da Kao Ward, District 1,  
Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026  
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office  
25th Floor, Tower A, Discovery Complex Building,  
No.302 Cau Giay Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District,  
Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353  
F +8424 3795 5252

Central Office  
3th Floor, 142 Xo Viet Nghe Tinh Street,  
Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District,  
Da Nang, Vietnam

T +84236 363 3334  
F +84236 363 3335

